

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 12 – 2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thắm
2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số B, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu bà và ông V chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm về nhiều chuyện trong cuộc sống, làm ăn kinh tế, nuôi dạy con nên thường xuyên cãi nhau. Từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1 (nam), sinh ngày 21/8/2004 và cháu Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 25/02/2012. Cháu T1 hiện

đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì. Đối với cháu **P** thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông **Nguyễn Thanh V** trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà **L** về thời gian chung sống, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Còn về việc đăng ký kết hôn thì ông cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn, nhưng ông không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân khoảng 02 tháng, nay bà **L** yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh T1** (nam), sinh ngày 21/8/2004 và cháu **Nguyễn Thanh P** (nam), sinh ngày 25/02/2012. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu **P** cho bà **L** nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu **T1** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông **V** và bà **L** vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà **Nguyễn Thị Phương L** và ông **Nguyễn Thanh V** là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thanh P** (nam), sinh ngày 25/02/2012 cho bà **Nguyễn Thị Phương L** được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông **V** chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà **Nguyễn Thị Phương L** và ông **Nguyễn Thanh V** chung sống như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay hai bên phát sinh mâu thuẫn nên bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **V**. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bà **L**, ông **V** nhưng đã có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L, ông V là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà L, ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới. Phía ông V cho rằng giữa ông bà có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Phía bà L cho rằng vợ chồng không có đăng ký kết hôn và cung cấp Công văn của Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ trả lời về việc “Không có tên bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên trước khi cải chính hộ tịch) và ông Nguyễn Thanh V1 trong sổ bộ kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ”. Quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định trường hợp bà L1 cũng không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn thì ông cũng đồng ý giải quyết theo quy định, theo hướng vợ chồng ông chưa đăng ký kết hôn. Do đó, không có cơ sở xác định giữa bà L1 và ông V có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống bà L1 và ông V phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 tháng. Nay bà L1 yêu cầu ly hôn thì ông V cũng đồng ý. Đến thời điểm xét xử vụ án các đương sự vẫn không chứng minh được có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Thanh V thống nhất giao cháu Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 25/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Phương L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà L cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Thanh V về việc giao cháu cháu Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 25/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Phương L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số PT 28 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà L đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hậu Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;

- CQ THA DS h.Châu Thành A;

- VKSND h.Châu Thành A;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên